



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 01 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/ of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng quản lý chất lượng

Laboratory: Quality Management Department

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: Công ty cổ phần cao su Hoà Hiệp Hưng

Organization: Hoa Hiep Hung Rubber Joint Stock Company

Số hiệu/ Code: VILAS 1470

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Hóa, Cơ

Field: Chemical, Mechanical

Người quản lý/
Laboratory manager: Nguyễn Thị Hoàng Thư

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: Kể từ ngày /01/2026 đến ngày 04/12/2030

Địa chỉ/ Address: Tổ 3, ấp Hoà Đông B, xã Phước Vinh, tỉnh Tây Ninh
Group 3, Hoa Dong B, Phuoc Vinh, Tay Ninh province

Địa điểm/ Location: Tổ 3, ấp Hoà Đông B, xã Phước Vinh, tỉnh Tây Ninh
Group 3, Hoa Dong B, Phuoc Vinh, Tay Ninh province

Điện thoại/ Tel: 02763871338

E-mail: qlclcaosuhoahiephung@gmail.com

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1470**Lĩnh vực: **Hóa, Cơ**Field: **Chemical, Mechanical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Cao su thiên nhiên SVR <i>Natural Rubber SVR</i>	Xác định hàm lượng tạp chất <i>Determination of dirt content</i>	(0.004~0.168)%m/m	TCVN 6089:2016 (ISO 249:2016)
2.		Xác định hàm lượng tro Phương pháp A <i>Determination of ash content Method A</i>	(0.1340~.858)%m/m	TCVN 6087:2010 (ISO 247:2006)
3.		Xác định hàm lượng chất bay hơi. Phương pháp tủ sấy- Quy trình A <i>Determination of volatile matter content . Oven method- Procedure A</i>	(0.149~0.708)%m/m	TCVN 6088-1:2014 (ISO 248-1:2011)
4.		Xác định hàm lượng Nitơ. Phương pháp bán vi lượng <i>Determination of nitrogen content. Semi-micro method</i>	(0.219~0.472)%m/m	TCVN 6091:2016 (ISO 1656:2014)
5.		Xác định độ nhớt Mooney. Phương pháp sử dụng nhớt kế đĩa trượt. <i>Determination of Mooney viscosity. Shearing-disc viscometer method</i>	(58.0 ÷ 73.0) đơn vị Wallace/Wallace unit	TCVN 6090-1:2015 (ISO 289-1:2015)
6.		Xác định độ dẻo Phương pháp máy đo độ dẻo nhanh <i>Determination of plasticity. Rapid plastimeter method</i>	(28.0 ÷ 50.0) đơn vị Wallace/Wallace unit	TCVN 8493:2010 (ISO 2007:2007)
7.		Xác định chỉ số duy trì độ dẻo (PRI) <i>Determination of plasticity retention index</i>	-	TCVN 8494:2020 (ISO 2930:2017)
8.		Xác định chỉ số màu Lovibond <i>Colour index, Lovibond unit</i>	(1.0 ÷ 5.0) đơn vị Lovibond/Lovibond unit	TCVN 6093:2013 (ISO 4660:2011)
9.	Latex cao su thiên nhiên cô đặc <i>Natural rubber latex concentrate</i>	Xác định tổng hàm lượng chất rắn <i>Determination of total solids content</i>	(61~64) %m/m	TCVN 6315:2015 (ISO 124:2014)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1470**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
10.	Latex cao su thiên nhiên cô đặc <i>Natural rubber latex concentrate</i>	Xác định hàm lượng cao su khô <i>Determination of dry rubber content</i>	(60.0~63.0) %m/m	TCVN 4858:2007 (ISO 126:2005)
11.		Xác định tính ổn định cơ học <i>Determination of mechanical stability</i>	(140~1500) Giây /seconds	TCVN 6316:2007 (ISO 35:2004)
12.		Xác định trị số Acid béo bay hơi <i>Determination of volatile fatty acid number</i>	(0.018~0.05)	TCVN 6321:1997 (ISO 506:1992)
13.		Xác định trị số KOH <i>Determination of KOH number</i>	(0.33~0.540)	TCVN 4856:2015 (ISO 127:2012)
14.		Xác định độ kiềm <i>Determination of alkalinity</i>	(0.20~0.80) %m/m	TCVN 4857:2015 (ISO 125:2011)
15.		Xác định độ pH <i>Determination of pH</i>	(10.18 ÷ 10.88) pH	TCVN 4860:2015 (ISO 976:2013)

Ghi chú/ Notes:

Trường hợp Công ty cổ phần cao su Hoà Hiệp Hưng cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty cổ phần cao su Hoà Hiệp Hưng phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Hoa Hiep Hung Rubber Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*